

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Chung**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Võ Văn Hoa Vinh**;

Ông **Đinh Hữu Cải**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 475/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Thúy L, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 1, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Trương Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 1, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 04/10/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Thúy L trình bày:*

-Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Đông ngày 24/6/2002. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, gây gỗ dẫn đến xô xát với nhau nhiều lần nhưng chưa đến mức gây thương tích. Thời gian gần đây, anh T thường uống rượu về chửi mắng chị, đe dọa đánh chị nhiều lần nên gia đình không còn hạnh phúc. Việc vợ chồng mâu thuẫn nhau thì cha mẹ chị có biết, có khuyên can nhưng do chị tự

quyết định. Việc anh T cho rằng chị làm ăn thất bại, gây nợ nần là có thật, nhưng việc chị góp hụi, vay tiền thì anh T đều biết chứ không phải chị không nói. Nay chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trương Long Tứ, sinh năm 1996 và Trương Long Huy, sinh năm 1998. Nay hai con đều đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trương Văn T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về các vấn đề hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng thì chị L góp hụi, vay tiền đều không cho anh biết. Nay anh yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Hai con chung đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Chị L được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Hai con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị L, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L, anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T khai nhận anh chị chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn ngày 24/6/2002 tại UBND xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị L cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L khai nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, gây gổ dẫn đến xô xát với nhau nhiều lần nhưng chưa đến mức gây thương tích. Thời gian gần đây anh T thường uống rượu về chửi mắng chị, đe dọa đánh chị nhiều lần nên gia đình không còn hạnh phúc. Việc vợ chồng mâu thuẫn nhau thì cha mẹ chị có biết, có khuyên can nhưng do chị tự quyết định. Việc anh T cho rằng chị làm ăn thất bại, gây nợ nần là có thật nhưng việc chị góp hụi, vay tiền thì anh T đều biết chứ không phải chị không nói. Nay chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn. Anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng nên đồng ý ly hôn nhưng xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trương Long Tứ, sinh năm 1996 và Trương Long Huy, sinh năm 1998. Nay hai con chung đều đã thành niên, anh, chị đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thúy L đối với anh Trương Văn T về việc tranh chấp ly hôn. Chị Phan Thị Thúy L được ly hôn với anh Trương Văn T.

2- Về con chung: Hai con chung tên Trương Long Tứ, sinh năm 1996 và Trương Long Huy, sinh năm 1998 đều đã thành niên; chị Phan Thị Thúy L và anh Trương Văn T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Thúy L và anh Trương Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Phan Thị Thúy L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006816 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Phan Thị Thúy L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Thành Chung**